

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG VÀNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

- 1- Trường mầm non Hoa Phượng Vàng (English yellow poinciana flower)
- 2- Địa chỉ: 56 đường Quang Trung – tổ dân phố 2 – phường Nghĩa Tân – thành phố Gia Nghĩa – tỉnh Đắk Nông; điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là công thông tin điện tử).
<http://cohoaphuongvang.pgdgianghiaed.vn/admin>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục công lập, thuộc UBND thành phố Gia Nghĩa quản lý trực tiếp; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục Công ty xây dựng một thành viên Trung Hoa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông,

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường được thành lập theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 03/8/2011. Trong quá trình thành lập trường đã phấn đấu đạt nhiều thành tích qua các năm học và được Bộ giáo dục & Đào tạo công nhận trường mầm non đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2013. Được đoàn đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục mức độ III, Chuẩn quốc gia mức độ II vào ngày 12/5/2021

Cơ sở vật chất khang trang đầy đủ đảm bảo chuẩn, qui mô lớp học 17 lớp, các lớp học có công trình vệ sinh khép kín, đồ dùng, đồ chơi được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học, môi trường sư phạm trường lớp thoáng mát, sạch đẹp phù hợp với tâm lý trẻ thơ, tổng số học sinh là 581 cháu, với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên 50 người cơ cấu tổ chức cụ thể như sau:

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ làm việc	Số điện thoại	Địa chỉ điện tử
01	Lê Thị Nguyên	Tổ 2 Nghĩa Tân	0962335338	levi2009.gianghia@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 03/8/2011) Quyết định về việc thành lập trường mầm non Hoa Phượng Vàng.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 1051/QĐ-UBND, ngày 23/8/2022 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý. Lê Thị Nguyễn (Hiệu trưởng)

- Quyết định số 695/QĐ-UBND, ngày 07/4/2023 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý. Vũ Thị Thanh Thúy (p. Hiệu trưởng)

- Quyết định số 1400/QĐ-UBND, ngày 01/11/2022 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý. Nguyễn Thị Kim Hồng (p. Hiệu trưởng)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục (có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục (tại phòng hội đồng);

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (không có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (không có);

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Tổng số CBGVNV: 50 người. Trong đó:

+ CBQL: 03 người (1 HT – 2 PHT)

+ Giáo viên: 35 người, biên chế 33 người, hợp đồng NĐ 111 có 02 người

+ Nhân viên: 03 người, kế toán 01; y tế 01; bảo vệ thừa hành phục vụ 01

+ Nhân viên khác: 09 người cấp dưỡng

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

- Giáo viên 35/35 người đạt chuẩn nghề nghiệp. Tỷ lệ đạt 100%

- Cán bộ quản lý 03/03 người đạt chuẩn nghề nghiệp. Tỷ lệ đạt 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Giáo viên 35/35 hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định. Tỷ lệ đạt 100%;

- Cán bộ quản lý 03/03 hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định. Tỷ lệ đạt 100%;

- Nhân viên 02/02 hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định. Tỷ lệ đạt 100%;

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Trường có diện tích đất là 11.444.1m², bình quân là 18 m²/trẻ đảm bảo theo yêu cầu chuẩn quy định, các công trình xây dựng kiên cố. Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát và sạch sẽ, cổng trường có biển tên, có hàng rào bảo vệ xung quanh. Sân chơi bãi tập với diện tích 5000 m² đáp ứng nhu cầu học tập và vui chơi của trẻ, có vườn rau sạch cho trẻ chăm sóc, khám phá và trải nghiệm.

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có văn phòng, có đủ bàn, ghế phục vụ cho công tác hội họp, có đủ tủ đựng hồ sơ, trang thiết bị và các bảng biểu theo quy định. Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đủ đồ dùng và các phương tiện làm việc, phòng y tế có một số dụng cụ cơ bản để sơ cấp cứu ban đầu cho trẻ, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ, phòng bảo vệ đảm bảo yêu cầu, có nhà để xe cho CB - GV - NV theo quy định.

- Trường có 17 phòng học phục vụ cho 17 lớp, số trẻ được phân chia độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các phòng đều đảm bảo an toàn, trang trí phù hợp với từng chủ đề, thân thiện và gần gũi với trẻ; đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp vào mùa đông; có hiên chơi rộng rãi đảm bảo cho trẻ vui chơi. Phòng đa năng với diện tích rộng hơn 60 m², phòng thoáng mát, đủ ánh sáng với đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động âm nhạc như âm ly, loa, đàn Organ, dụng cụ âm nhạc, trang phục âm nhạc các loại. Đồ dùng phục vụ hoạt động giáo dục thể chất đầy đủ cho trẻ hoạt động; Lắp đặt đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt điện, hệ thống camera, phòng học đảm bảo đủ ánh sáng. Các phòng sinh hoạt, phục vụ học tập đều được trang bị đầy đủ tủ, kệ, giá đựng đồ dùng, đồ chơi, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và đảm bảo an toàn, thuận tiện cho cô và trẻ khi sử dụng. Có phòng riêng cho trẻ học tập ngoại ngữ, tin học.

- Nhà trường có 01 bếp ăn đúng quy cách và hợp vệ sinh đảm bảo bếp 01 chiều. Có đầy đủ đồ dùng, dụng cụ phục vụ cho công tác bán trú. Thường xuyên vệ sinh kho thực phẩm, có cửa chắn côn trùng. Xuất nhập thực phẩm công khai. Thực hiện công khai tài chính nghiêm túc theo quy định.

- Khỏi phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật đối sánh đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học của nhà trường được đầu tư, trang bị đầy đủ theo danh mục quy định, đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với sự phát triển của lứa tuổi. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt huyết, sáng tạo, sự khéo tay của đội ngũ đã tạo ra những đồ dùng, đồ chơi từ vật liệu sẵn có tại địa phương làm phong phú và đa dạng các chủng loại.

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Sân trường có 11 loại đồ chơi theo quy định, ngoài ra còn có bổ sung thêm một số đồ chơi tự tạo như: thú nhún, cổng chui, xe kéo... làm đa dạng phong phú đồ chơi cho trẻ. Sân chơi được bố trí hợp lý, có nhiều cây xanh tỏa bóng mát và thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp đảm bảo an toàn. Có vườn hoa, vườn rau sạch cho bé chăm sóc và trải nghiệm, đảm bảo tất cả trẻ đều được học tập và vui chơi an toàn

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ III

- Có kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm.

- Kết quả kiểm định chất lượng, chuẩn Quốc gia mức độ II: từ 12/5/2021-12/5/2026;

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng và hàng năm (có)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan thực hiện đầy đủ theo quy định;(công khai trên trang điện tử)

- b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; công khai trên wsai
- c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội; công khai trên wsai
- d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em; công khai trên bản tin nhà trường
- đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

- a) Tổng số trẻ em 576; tổng số lớp 17; số trẻ em tính bình quân/lớp 34;
- b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (không có);
- c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày; 576
- d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; 576
- đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ; 576 cháu.
- e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; Đạt
- g) Số trẻ em khuyết tật.(không có)

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài). (không có)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác):

- Nguồn kinh phí thường xuyên: 6.514.253.000đ, kinh phí không thường xuyên: 143.461.000 đ,

- Nguồn khen thưởng theo NĐ 73: 179.319.000đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên: 6.068.690.000đ...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 445.563.000đ chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khen thưởng theo NĐ 73: 179.319.000đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: thu học phí năm 2024: 156.421.000đ, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81 năm 2024: 2.700.000đ, hỗ trợ ăn trưa theo trẻ em từ 3-5 tuổi năm 2024: 2.880.000đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸.

1. Triển khai các văn bản chỉ đạo kịp thời
2. Tham gia các hoạt động phong trào sôi nổi

Trên đây là kết quả báo cáo công khai thường niên của trường mầm non Hoa Phượng Vàng. Trong quá trình thực hiện sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Nhà trường rút kinh nghiệm để triển khai, tổ chức và thực hiện đạt hiệu quả./

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Lê Thị Nguyên

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.